

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2025
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hậu - Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 258/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: 505/41 ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1970. Nơi cư trú: 505/41 ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tuấn K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Long, thành phố L vào ngày 22/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi,

không tôn trọng nhau. Thời gian sống ly thân từ năm 2022 đến nay bà nhiều lần tạo cơ hội nhưng ông K vẫn không sửa đổi, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Kiều O, sinh năm 2000 và Trần Thanh T, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động. Lý do trong giấy khai sinh của Trần Thị Kiều O và Trần Thanh T không có họ tên cha Nguyễn Tuấn K, là vì khi sinh các con và đăng ký khai sinh, lúc này bà và ông K chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Bà xác định Kiều O và Thanh T là con chung của bà và ông Nguyễn Tuấn K.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Tuấn K được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông K tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Tuấn K.

- Về con chung: Ông K và bà N có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Kiều O, sinh năm 2000 và Trần Thanh T, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K. Ông K cư ngụ tại xã M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông K vắng mặt không có lý do, bà N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Tuấn K.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà N và ông K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Long, thành phố L nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà N trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Bà nhiều lần tạo cơ hội nhưng ông K vẫn không sửa đổi, không có thiện chí hàn gắn. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông K.

Quá trình giải quyết vụ án ông K vắng mặt. Theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an xã Mỹ Khánh, thành phố L ngày 25/3/2025 thể hiện: Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1970 có đăng ký thường trú tại số E ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông K vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông K biết nhưng ông K vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do bà N cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N là ông K đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cả ông K và bà N đều không quan tâm, không có biện pháp để hòa giải nín nhịn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai ông K tiếp tục vắng mặt là không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn ông K.

[2.2]. Về con chung: Bà N trình bày ông K và bà N có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Kiều O, sinh năm 2000 và Trần Thanh T, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động. Lý do trong giấy khai sinh của Kiều O và Thanh

T không có họ tên cha Nguyễn Tuấn K, là vì khi sinh các con và đăng ký khai sinh, lúc này bà và ông K chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Bà N xác định Kiều O và Thanh T là con chung của bà và ông K.

Như nhận định trên, quá trình tố tụng ông K được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông K không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định là từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của chính ông. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ được thu thập khách quan, đúng pháp luật chấp nhận lời trình bày của bà N, xác định Trần Thị Kiều O, sinh năm 2000 và Trần Thanh T, sinh năm 2002 là con chung của bà N và ông Nguyễn Tuấn K.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết. Ông K không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Tuấn K.

- Về con chung: Ông K và bà N có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Kiều O, sinh năm 2000 và Trần Thanh T, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002498, ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

- Quyền kháng cáo:

Bà N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông K không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H